TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOẰNG HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/DS-ST
Ngày: 18/5/2022
V/v: Tranh chấp hụi họ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Hải

Bà Trương Thị Hà

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 16 và ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại Toà án nhân dân huyện Hoằng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 02/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp hụi họ" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-DS ngày 29/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1962 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn B, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lường Ngọc Ph, sinh năm 1958 (Ủy quyền cho bà Đ tham gia tố tụng)
- Chị Lê Thị Ng, sinh 1991 (Đề nghị xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: thôn B, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Người làm chứng:

- Anh Lường Văn L, sinh năm 1998 (Vắng mặt)
- Ông Trần Văn L, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Đều có địa chỉ: thôn B, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/12/2021, lời khai và trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn trình bày:

Do mối quan hệ hàng xóm láng giềng nên vợ chồng bà Đ, ông Ph có tham gia góp họ do bà Nguyễn Thị H làm chủ họ, tiền góp họ là tiền tiết kiệm chung của vợ chồng bà. Kết thúc họ, bà H không trả tiền họ cho vợ chồng bà. Sau đó bà H có nhờ bà Đ chơi hộ một phần họ để lấy tiền trả nợ cho vợ chồng bà Đ, và đã đóng được 03 tháng, cụ thể: Tháng 4/2018 là 1.500.000đ, tháng 5/2018 là 1.550.000đ, tháng 6/2018 là 1.600.000đ, tổng là 4.650.000đ. Từ tháng 7/2018 trở đi bà H không góp nữa nên đến ngày 27/10/2018, bà H đã viết giấy nhận nợ với vợ chồng bà Đ số tiền là 51.400.000đ và hẹn 02 năm nữa sẽ trả. Đến hẹn, bà H vẫn không trả nợ cho vợ chồng bà Đ như đã cam kết trong giấy nhận nợ. Sau đó, con dâu bà Đ có đến nhà bà H mua đồ ăn sáng về cho gia đình với tổng số tiền là 951.000đ, bà Đ thống nhất trừ vào tiền bà H nợ vợ chồng bà. Bà Đ yêu cầu Toàn án buộc bà H phải trả cho vợ chồng bà toàn bộ số tiền góp họ còn nợ là 50.449.000đ và phải trả lãi là 1%/tháng trên số tiền nợ gốc kể từ thời điểm chốt nợ.

Tại phiên tòa, bà Đ xin rút yêu cầu tính lãi và cho bà H toàn bộ tiền lãi.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H tổ chức họ và bà Đ có tham gia góp họ cùng. Việc góp họ chỉ mình bà Đ góp với bà H, không liên quan đến chồng bà Đ, chồng con bà H không biết và cũng không liên quan. Tháng 3/2018, do không còn khả năng thanh toán nên bà H dừng họ. Đến ngày 27/10/2018 hai bên chốt họ với nhau, tổng số tiền bà Đ đã góp cùng bà H là 51.400.000đ, bà H hẹn bà Đ hai năm nữa sẽ trả. Từ khi viết giấy nhận nợ, bà H đã trả cho bà Đ nhiều lần, cụ thể: có góp chung với bà Đ một cái họ 2.000.000đ/tháng, góp được khoảng 10 tháng nhưng bà H không có bằng chứng chứng minh, khi đưa tiền cho bà Đ có anh Lường Văn L làm chứng. Ngoài ra do bà H bán hàng ăn sáng nên bà Đ và con dâu ra lấy đồ ăn sáng, bà H cũng không lấy tiền mà để trừ dần vào tiền nợ, ước chừng khoảng vài triệu, nhưng bà H không ghi sổ, có con dâu bà Đ ghi chép lại. Bà H yêu cầu tính toán, trừ lùi vào tiền gốc cho bà H, còn lại bao nhiêu bà xin được trả dần cho bà Đ. Vì là tiền góp họ, không phải bà H vay của bà Đ nên bà H không đồng ý trả lãi.

Tại phiên tòa, bà H xin bà Đ không tính lãi với mình và xác định còn nợ bà Đ số tiền góp họ là 51.400.000đ, sau khi trừ đi tiền ăn sáng, số tiền còn lại là 50.449.000đ, bà H xin bà Đ cho được trả dần.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông Lường Ngọc Ph trình bày: Bà H tổ chức họ, vợ chồng ông có tham gia góp cùng, tiền góp họ là tiền chung của vợ chồng ông, bà Đ là người đứng ra giao tiền cho bà H. Sau khi kết thúc họ, bà H không trả tiền cho vợ chồng ông. Ngày 27/10/2018, hai bên chốt nợ, bà H viết giấy nhận nợ với vợ chồng ông số tiền 51.400.000đ và hẹn 2 năm sau sẽ trả. Từ khi chốt nợ, bà H không trả tiền như đã cam kết. Ông Ph thống nhất với quan điểm của bà Đ, yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả cho vợ chồng ông toàn bộ tiền nợ gốc còn lại là 50.449.000đ và tính lãi là 1%/tháng kể từ thời điểm chốt nợ. Do ông Ph bận nên có đơn

ủy quyền lại cho bà Đ tham gia tố tụng, mọi ý kiến của bà Đ về việc giải quyết vụ án cũng là ý kiến của ông Ph.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – chị Lê Thị Ng trình bày:

Chị Ng là con dâu của bà Lê Thị Đ, vào khoảng cuối năm 2020, chị có đến nhà bà H mua đồ ăn sáng cho gia đình, bà H không nhận tiền và bảo để trừ nợ tiền đang còn nợ bà Đ, bà Đ cũng đồng ý nên chị Ng đã chủ động ghi lại vào sổ để theo dõi tiện đối chiếu, bà H có ghi không thì chị không biết. Tổng số tiền ăn sáng chị Ng đã mua của bà H 951.000đ. Nếu bà Đ đồng ý trừ vào tiền bà H còn nợ thì chị Ng cũng đồng ý. Nếu bà Đ không đồng ý trừ thì chị Ng sẽ chủ động trả nợ cho bà H. Vì bận công việc nên chị Ng xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và nhờ bà Đ nhận hộ văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị.

Người làm chứng, anh Lường Văn L trình bày:

Việc chơi họ giữa mẹ anh là bà Nguyễn Thị H và bà Lê Thị Đ như thế nào thì anh không được biết. Vào hè năm 2018, anh L đi làm tại Công ty M 1 thuộc khu công nghiệp L lấy tiền đưa mẹ trả nợ và nuôi em. Có vài lần anh chứng kiến và được biết bà Đ đến nhà lấy tiền của mẹ anh nhờ bà Đ chơi họ hộ. Cụ thể mẹ anh đưa cho bà Đ bao nhiêu tiền và đưa bao nhiêu lần thì anh không rõ. Sau đó giữa mẹ anh và bà Đ như thế nào thì anh không biết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn bà Lê Thị Đ đã tuân thủ đầy đủ các quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do tại các buổi đối chất, không tuân thủ quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án đề nghị áp dụng Điều 147, Điều 148, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường. chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ góp họ sau khi đã trừ khoản nợ mua đồ ăn sáng là 51.400.000đ – 951.000đ = 50.449.000đ.

Về lãi xuất: Nguyên đơn đã rút yêu cầu về lãi xuất và cho bị đơn tiền lãi nên đề nghị đình chỉ yêu cầu về lãi xuất của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí nên đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn.

Tại phiên tòa các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị Đ làm đơn khởi kiện đòi nợ bà Nguyễn Thị H tổng số tiền nợ gốc còn lại là 50.449.000đ tiền vợ chồng bà góp họ chưa được thanh toán. Đây là quan hệ "Tranh chấp hụi họ" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là bà H có địa chỉ tại xã Hoằng Thịnh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – chị Lê Thị Ng xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Ng là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về Nội dung tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị H có tổ chức họ và bà Lê Thị Đ với sự thống nhất của chồng là ông Lường Ngọc Ph đã dùng tiền chung của vợ chồng tham gia góp họ cùng bà H. Sau khi kết thúc họ, bà H đã không thanh toán tiền họ cho vợ chồng bà Đ. Từ tháng 4/2018 đến tháng 6/2018 bà H đã gửi bà Đ số tiền 4.650.000đ để bà Đ góp họ hộ để trả nợ cho vợ chồng bà Đ, sau đó không tiếp tục góp nữa. Ngày 27/10/2018 hai bên chốt nợ, sau khi đối trừ khoản tiền bà H đã gửi bà Đ góp họ hộ, bà H viết giấy nhận nợ với vợ chồng bà Đ, ông Ph số tiền 51.400.000đ và hẹn 2 năm sau sẽ trả. Năm 2020, con dâu bà Đ đến nhà bà H mua đồ ăn sáng cho gia đình với tổng số tiền là 951.000đ, bà Đ, ông Ph, bà H thống nhất trừ vào tiền nợ gốc nên bà H còn nợ bà Đ, ông Ph số tiền nợ gốc là 51.400.000đ – 951.000đ = 50.449.000đ. Do bà H không thực hiện được việc trả nợ như đã cam kết nên bà Đ khởi kiện đòi nợ bà H trả toàn bộ số tiền nợ trên là hoàn toàn có cơ sở nên cần chấp nhận. Bà Đ đã rút yêu cầu về lãi xuất và cho bà H toàn bộ tiền lãi, được bà H thống nhất nên cần tôn trọng sự tự nguyện của đương sự, đình chỉ yêu cầu về lãi xuất của bà Đ.

Bà H xin được trả nợ dần cho bà Đ, nhưng không được bà Đ chấp nhận. Vì vậy, cần buộc bà H phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà Đ, ông Ph toàn bộ tiền nợ gốc là 50.449.000đ.

[3] Về án phí: Bà H thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà H.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, 227,228, 235, 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; Khoản 3 Điều 15, Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị H phải trả cho vợ chồng bà Lê Thị Đ và ông Lường Ngọc Ph toàn bộ số tiền nợ gốc là 50.449.000đ *(Năm mươi triệu bốn trăm bốn chín nghìn đồng)*.

Từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà Đ hoặc ông Ph có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, hàng tháng bà H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 BLDS năm 2015 trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Đình chỉ đối với yêu cầu về tiền lãi trên số tiền nợ gốc đối với bà Nguyễn Thị H của bà Lê Thị Đ.

Về án phí: Bị đơn – Bà Nguyễn Thị H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Đ, ông Ph, bà H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Ng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Vân